



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2021  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2021



Thành viên hãng AGN International  
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International  
Audit | Tax | Advisory

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2021**  
**ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2021**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 27

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Phan Anh Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 31/05/2021)
Ông Lê Ngọc Toàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 31/05/2021)
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Ủy viên
Ông Hoàng Đình Khánh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 31/05/2021)
Bà Trần Thị Thiện	Ủy viên
Nguyễn Đầu Hào	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 31/05/2021)
Võ Thành Lương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 31/05/2021)
Bà Lê Thị Thu Phương	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 31/05/2021)

**Ban Giám đốc**

Ông Mạnh Xuân Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Giám đốc

**Ban kiểm soát**

Ông Nguyễn Huy Hoài	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm 30/06/2021)
Ông Võ Quang	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm 30/06/2021)
Ông Hoàng Thanh Sơn	Thành viên
Bà Lê Thị Hải Yến	Thành viên

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Ngọc Toàn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

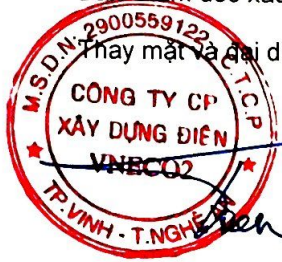
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Lê Ngọc Toàn**  
**Chủ tịch hội đồng quản trị**  
Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Số: 081301/2021/BCSX-iCPA

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày tháng năm 2021, từ trang 4 đến trang 27 bao gồm Bảng Cân đối Kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ kết quả soát xét, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã phản ánh không trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo soát xét cho kỳ kế toán từ 01 tháng 01 năm 2020 đến 30 tháng 06 năm 2020 đã được kiểm toán và soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác.



**Nguyễn Hoàng Giang**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0997-2021-072-1  
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>35.307.648.139</b>	<b>39.893.301.529</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>97.412.658</b>	<b>184.851.965</b>
1. Tiền	111	V.1	97.412.658	184.851.965
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6.263.047.619</b>	<b>4.890.958.870</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	7.018.159.356	7.018.159.356
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(755.111.737)	(2.127.200.486)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.605.368.625</b>	<b>26.067.020.052</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	21.748.748.825	23.767.253.267
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	808.094.319	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.480.149.150	3.354.916.806
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.431.623.669)	(1.055.150.021)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>6.293.027.540</b>	<b>8.701.303.976</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.293.027.540	8.701.303.976
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>48.791.697</b>	<b>49.166.666</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	48.791.697	49.166.666
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.446.264.086</b>	<b>6.676.078.850</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.857.956.558</b>	<b>6.083.232.910</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	2.732.706.558	2.957.982.910
- Nguyên giá	222		8.527.595.496	8.459.595.496
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.794.888.938)	(5.501.612.586)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.125.250.000	3.125.250.000
- Nguyên giá	228		3.125.250.000	3.125.250.000
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>562.871.134</b>	<b>562.871.134</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	562.871.134	562.871.134
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>25.436.394</b>	<b>25.436.394</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	30.000.000	30.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.563.606)	(4.563.606)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>4.538.412</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	-	4.538.412
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>41.753.912.225</b>	<b>46.569.380.379</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>19.640.300.350</b>	<b>22.961.563.748</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.610.300.350</b>	<b>22.811.563.748</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	2.212.480.717	3.755.068.660
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	964.852.558	1.455.970.047
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.126.132.211	132.983.664
4. Phải trả người lao động	314		990.765.974	581.549.329
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.873.518.977	181.871.823
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	450.000.000	460.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	1.928.685.273	534.143.679
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	7.953.891.385	15.643.747.340
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		109.973.255	66.229.206
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>30.000.000</b>	<b>150.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	30.000.000	150.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>22.113.611.875</b>	<b>23.607.816.631</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>22.113.611.875</b>	<b>23.607.816.631</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.588.800.000	21.588.800.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(475.357.950)	(475.357.950)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		739.190.340	684.906.291
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		260.979.485	1.809.468.290
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		232.244.192	435.386.765
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.735.293	1.374.081.525
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>41.753.912.225</b>	<b>46.569.380.379</b>



*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*

Hoàng Đình Khánh  
Người lập biểu  
Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kê toán trưởng

Lê Ngọc Toàn  
Chủ tịch hội đồng quản trị



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		17.279.656.840	10.345.863.359
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	17.279.656.840	10.345.863.359
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	16.268.710.283	9.201.186.198
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.010.946.557	1.144.677.161
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	366.594	20.734.127
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(1.177.743.884)	(387.804.000)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		194.344.865	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.130.800.214	955.373.471
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.256.821	597.841.817
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	11.195.490	-
13. Lợi nhuận khác	40		(11.195.490)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.061.331	597.841.817
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	18.326.038	119.568.363
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.735.293	478.273.454
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	13	219
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		13	219

*Hoàng Đình Khánh*



**Hoàng Đình Khánh**  
Người lập biểu  
Ngày 12 tháng 8 năm 2021

**Nguyễn Thị Thanh Tâm**  
Kế toán trưởng

**Lê Ngọc Toàn**  
Chủ tịch hội đồng quản trị

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Phương pháp trực tiếp)**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	20.515.653.776	6.179.790.719
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(10.402.710.618)	(9.729.628.138)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.852.524.464)	(1.854.681.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(194.344.865)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(55.630.592)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	251.548.461	235.947.693
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(591.941.644)	(390.550.044)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.670.050.054</b>	<b>(5.559.120.770)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(68.000.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	366.594	20.734.127
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(67.633.406)</b>	<b>20.734.127</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	9.253.841.385	576.357.600
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(16.943.697.340)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(7.689.855.955)</b>	<b>576.357.600</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(87.439.307)</b>	<b>(4.962.029.043)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	184.851.965	5.048.047.674
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>97.412.658</b>	<b>86.018.631</b>



Hoàng Đình Khánh  
Người lập biểu  
Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kê toán trưởng

Lê Ngọc Toàn  
Chủ tịch hội đồng quản trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là XI nghiệp Xây dựng điện và vật tư thuộc Công ty Xây lắp điện 3, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.2 theo quyết định số 159/2004/DQQ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900559122 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu vào ngày 31/12/2004

Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 02 tháng 06 năm 2021. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2021 là 21.588.800.000 đồng tương ứng 2.098.080 cổ phần.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty chỉ có hoạt động duy nhất tại địa chỉ số 13, Đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Nghệ An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 35 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 33 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây lắp các công trình điện năng (hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV, các công trình nguồn điện);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Sản xuất mua bán các loại vật liệu xây dựng (gạch Block, gạch Terrazzo, gạch Daramic), các sản phẩm bê tông;
- Khai thác đá;
- Gia công, chế tạo vật tư, phụ kiện phục vụ cho xây lắp các công trình điện;
- Sản xuất các thiết bị cơ khí, cột thép;
- Mua bán vật tư thiết bị điện;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh các thiết bị, phụ kiện điện trong quá trình xây dựng các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng (bao gồm lập và thẩm định các dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án);
- Tư vấn khảo sát công trình xây dựng;
- Đầu tư kinh doanh nhà, dịch vụ nhà đất;
- Mua bán hàng trang trí nội thất, ngoại thất;
- Tư vấn thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình;
- Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty được thực hiện trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ trên máy vi tính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí thuê đất, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không phải trích khấu hao.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	03 - 15
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	02

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**1. TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	1.812.904	14.670.722
Tiền gửi ngân hàng	95.599.754	170.181.243
<b>Cộng</b>	<b>97.412.658</b>	<b>184.851.965</b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Sông Ba	1.619.047.619	1.619.047.619	-	1.619.047.619	2.626.500.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Nam VNE	5.399.111.737	4.644.000.000	(755.111.737)	5.399.111.737	3.271.911.251	(2.127.200.486)
<b>Cộng</b>	<b>7.018.159.356</b>	<b>6.263.047.619</b>	<b>(755.111.737)</b>	<b>7.018.159.356</b>	<b>5.898.411.251</b>	<b>(2.127.200.486)</b>

**Chi tiết số lượng cổ phần nắm giữ**

	30/06/2021 Cổ phần	01/01/2021 Cổ phần
Công ty Cổ phần Sông Ba	170.000	170.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Nam VNE	540.000	540.000

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Điện Hội Xuân VNECO	30.000.000	(4.563.606)	30.000.000	(4.563.606)
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>(4.563.606)</b>	<b>30.000.000</b>	<b>(4.563.606)</b>

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Điện Hội Xuân VNECO để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	18.740.697.681	21.832.675.130
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	126.640.869	126.640.869
Các đối tượng khác	2.881.410.275	1.807.937.268
<b>Cộng</b>	<b>21.748.748.825</b>	<b>23.767.253.267</b>
<b>b. Phải thu các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	<b>18.867.338.550</b>	<b>21.959.315.999</b>

**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ Phần Thương Mại HK	421.000.000	-
Công ty CPXD Điện VNECO3	247.166.532	-
Công ty CPXD Điện VNECO4	92.896.789	-
Các đối tượng khác	47.030.998	-
<b>Cộng</b>	<b>808.094.319</b>	<b>-</b>
<b>b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	<b>340.063.321</b>	<b>-</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tạm ứng	1.955.028.373	2.505.408.563
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	18.000.000	18.000.000
Phải thu khác	507.120.777	831.508.243
<b>Cộng</b>	<b>2.480.149.150</b>	<b>3.354.916.806</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Dương Chí Giai	143.927.828	-	143.927.828	143.927.828	-	143.927.828
Nguyễn Chính Thanh	79.039.072	-	79.039.072	79.039.072	-	79.039.072
Nguyễn Đức Sơn	81.863.981	-	81.863.981	81.863.981	-	81.863.981
Xí nghiệp thương mại và xây dựng công trình	233.680.000	-	233.680.000	233.680.000	-	233.680.000
UBND Phường Quang Trung	89.589.159	-	89.589.159	89.589.159	-	89.589.159
UBND Trường Thi - Đường Lò Hồng Phong	59.376.372	-	59.376.372	59.376.372	-	59.376.372
UBND Trường Thi - Đường Trần Thủ Độ	203.231.326	-	203.231.326	203.231.326	-	203.231.326
Công ty Xây dựng công trình GT 892	140.673.939	70.336.969	70.336.970	140.673.939	84.404.363	56.269.576
VNECOXNA Công ty CPDL Xanh Nghệ An - VNECO	40.843.000	-	40.843.000	40.843.000	-	40.843.000
Nguyễn Đậu Hào	217.139.425	-	217.139.425	217.139.425	217.139.425	-
Nguyễn Đình Chung	170.020.239	-	170.020.239	170.020.239	170.020.239	-
Đặng Quang Hiếu	167.369.304	-	167.369.304	167.369.304	167.369.304	-
Hoàng Thanh Sơn	164.257.381	-	164.257.381	164.257.381	164.257.381	-
Nguyễn Minh Sơn	159.401.116	-	159.401.116	159.401.116	159.401.116	-
Kiều Anh Hoàng	149.141.919	-	149.141.919	149.141.919	149.141.919	-
Nguyễn Duy Thân	136.581.449	-	136.581.449	136.581.449	136.581.449	-
Nguyễn Mạnh Hùng	132.867.350	-	132.867.350	132.867.350	132.867.350	-
Các đối tượng khác	132.957.778	-	132.957.778	132.957.778	65.628.071	67.329.707
<b>Cộng</b>	<b>2.501.960.638</b>	<b>70.336.969</b>	<b>2.431.623.669</b>	<b>2.501.960.638</b>	<b>1.446.810.617</b>	<b>1.055.150.021</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	510.341.673	-	1.559.420.296	-
Công cụ, dụng cụ	209.840.856	-	209.840.856	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.899.874.749	-	6.259.072.562	-
Thành phẩm nhập kho	672.970.262	-	672.970.262	-
<b>Cộng</b>	<b>6.293.027.540</b>	<b>-</b>	<b>8.701.303.976</b>	<b>-</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phí bảo hiểm xe	10.261.167	-
Chi phí thuê kho	5.000.000	20.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	33.530.530	29.166.666
<b>Cộng</b>	<b>48.791.697</b>	<b>49.166.666</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	4.538.412
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.538.412</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí cửa hàng kinh doanh 13 Mai Hắc Đế	562.871.134	562.871.134
<b>Cộng</b>	<b>562.871.134</b>	<b>562.871.134</b>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	3.125.250.000	3.125.250.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.125.250.000</b>	<b>3.125.250.000</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu kỳ	3.125.250.000	3.125.250.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.125.250.000</b>	<b>3.125.250.000</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 3.125.250.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.125.250.000 đồng).

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu kỳ	4.050.274.334	661.511.071	3.747.810.091	8.459.595.496
Mua trong kỳ		68.000.000		68.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.050.274.334</b>	<b>729.511.071</b>	<b>3.747.810.091</b>	<b>8.527.595.496</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu kỳ	3.186.255.040	493.874.707	1.821.482.839	5.501.612.586
Khấu hao trong kỳ	66.817.664	187.390.506	39.068.182	293.276.352
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.253.072.704</b>	<b>681.265.213</b>	<b>1.860.551.021</b>	<b>5.794.888.938</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu kỳ	864.019.294	167.636.364	1.926.327.252	2.957.982.910
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>797.201.630</b>	<b>48.245.858</b>	<b>1.887.259.070</b>	<b>2.732.706.558</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)**

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 2.536.138.376 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.790.346.546 đồng).

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 với giá trị là 2.046.832.354 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.046.832.354 đồng).

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	80.076.558	1.455.970.047
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	884.776.000	-
<b>Cộng</b>	<b>964.852.558</b>	<b>1.455.970.047</b>
<b>b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>964.852.558</b>	<b>1.455.970.047</b>

(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Cơ Điện ELMACO	1.516.960.000	1.516.960.000	-	-
Công ty TNHH Xây lắp Xuân Thành	167.089.417	167.089.417	243.628.653	243.628.653
Công ty TNHH Tôn Thép Việt Nhật	-	-	1.137.932.904	1.137.932.904
Công ty Cổ phần Thương mại HK	-	-	1.153.646.183	1.153.646.183
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	-	-	149.953.468	149.953.468
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	-	-	513.247.211	513.247.211
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	25.200.000	25.200.000	25.200.000	25.200.000
Các đối tượng khác	503.231.300	503.231.300	531.460.241	531.460.241
<b>Cộng</b>	<b>2.212.480.717</b>	<b>2.212.480.717</b>	<b>3.755.068.660</b>	<b>3.755.068.660</b>
<b>b. Các khoản phải trả cho các bên liên quan</b>	<b>25.200.000</b>	<b>25.200.000</b>	<b>688.400.679</b>	<b>688.400.679</b>

(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	991.960.173	1.764.936.413	850.329.312	77.353.072
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.326.038	18.326.038	55.630.592	55.630.592
Thuế thu nhập cá nhân	4.200.000	39.872.161	35.672.161	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	111.646.000	242.905.789	131.259.789	-
Các loại thuế khác	-	4.680.857	4.680.857	-
<b>Cộng</b>	<b>1.126.132.211</b>	<b>2.070.721.258</b>	<b>1.077.572.711</b>	<b>132.983.664</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí trích trước các công trình xây lắp	3.873.518.977	181.871.823
- Treo dây 2 đường dây 110KV Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Cửa Lò -Hung Đông	3.606.854.650	-
- Các công trình khác	266.664.327	181.871.823
<b>Cộng</b>	<b>3.873.518.977</b>	<b>181.871.823</b>

**16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Doanh nghiệp Tư nhân Phú Quang	260.000.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Kính mắt TP Hồ Chí Minh	190.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>450.000.000</b>	<b>460.000.000</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	120.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.808.685.273	534.143.679
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn SEMEC</i>	<i>201.625.256</i>	<i>380.520.034</i>
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<i>1.468.656.000</i>	<i>-</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>138.404.017</i>	<i>153.623.645</i>
<b>Cộng</b>	<b>1.928.685.273</b>	<b>534.143.679</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>150.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>7.953.891.385</b>	<b>7.953.891.385</b>	<b>9.253.841.385</b>	<b>16.943.697.340</b>	<b>15.643.747.340</b>	<b>15.643.747.340</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (i)	7.683.891.385	7.683.891.385	8.583.841.385	16.543.697.340	15.643.747.340	15.643.747.340
Lê Thị Hải Yến (ii)	270.000.000	270.000.000	670.000.000	400.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.953.891.385</b>	<b>7.953.891.385</b>			<b>15.643.747.340</b>	<b>15.643.747.340</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng	Ngày	Hạn mức vay	Thời hạn vay	Số dư tại 30/06/2021	Lãi suất	Mục đích sử dụng
số 07/TDDN-NAN.KHBL	08/01/2021	1.153.646.183	06 tháng	253.696.183	Trước 15/03/2021 cố định 6%/năm, từ 16/03/2021 cố định 7%/năm.	Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu phục vụ thi công công trình xây lắp điện.
số 111/TDDN-NAN.KHBL	10/03/2021	236.505.000	06 tháng	236.505.000		
số 138/TDDN-NAN.KHBL	19/03/2021	313.400.000	06 tháng	313.400.000		
số 185/TDDN-NAN.KHBL	02/04/2021	197.560.000	06 tháng	197.560.000		
số 199/TDDN-NAN.KHBL	07/04/2021	769.472.959	178 ngày	769.472.959		
số 221/TDDN-NAN.KHBL	20/04/2021	359.030.000	06 tháng	359.030.000	Trước 22/05/2021 cố định 6,65%/năm, từ 23/05/2021 cố định 7%/năm.	
số 249/TDDN-NAN.KHBL	29/04/2021	699.942.512	06 tháng	699.942.512		
số 266/TDDN-NAN.KHBL	12/05/2021	1.996.640.275	06 tháng	1.996.640.275		
số 289/TDDN-NAN.KHBL	18/05/2021	440.893.730	06 tháng	440.893.730		
số 299/TDDN-NAN.KHBL	26/05/2021	1.079.638.654	06 tháng	1.079.638.654		
số 329/TDDN-NAN.KHBL	08/06/2021	1.337.112.072	06 tháng	1.337.112.072		

**Các khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An được đảm bảo theo các hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản sau:**

- Tài sản gắn liền với đất của thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 357977 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 28/11/2005 cho Công ty CP Xây dựng điện VNECO2 theo hợp đồng thế chấp số 198TC13/NHNT ngày 30/09/2013.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

- Xe tải Hino gắn cầu Soosan theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành vốn vay số 487TC14 ngày 20/11/2014
- Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 31A-402.13 theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông vận tải số 594/TC19-NAN.KHBL ngày 23/12/2019
- Quyền sử dụng đất của thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 752411 do UBND thị xã Cửa Lò cấp ngày 04/03/2020 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 239/TC20-NAN.KHBL ngày 16/07/2020.

{ii} Khoản vay cá nhân theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV ngày 16/06/2021, số tiền cho vay 670.000.000 đồng, thời hạn 1 tháng kể từ ngày 16/06/2021, lãi suất 7%/năm. Số dư tại ngày 30/06/2021 là 270.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động sử dụng trong kỳ.

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2020</b>	<b>21.588.800.000</b>	<b>(475.357.950)</b>	<b>684.906.291</b>	<b>435.386.765</b>	<b>22.233.735.106</b>
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	1.374.081.525	1.374.081.525
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	<b>21.588.800.000</b>	<b>(475.357.950)</b>	<b>684.906.291</b>	<b>1.809.468.290</b>	<b>23.607.816.631</b>
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	28.735.293	28.735.293
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(1.468.656.000)	(1.468.656.000)
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(54.284.049)	(54.284.049)
Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển (*)	-	-	54.284.049	(54.284.049)	-
<b>Số dư tại ngày 30/06/2021</b>	<b>21.588.800.000</b>	<b>(475.357.950)</b>	<b>739.190.340</b>	<b>260.979.485</b>	<b>22.113.611.875</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 05 năm 2021. Theo đó, việc phân phối lợi nhuận như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển 54.284.049 đồng
- Trích quỹ khen thưởng 54.284.049 đồng
- Trả cổ tức 1.468.656.000 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu:**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	6.790.750.000	6.790.750.000
Cổ phiếu quỹ theo mệnh giá	608.000.000	608.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	14.190.050.000	14.190.050.000
<b>Cộng</b>	<b>21.588.800.000</b>	<b>21.588.800.000</b>

**c. Cổ phiếu:**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>2.158.880</b>	<b>2.158.880</b>
- Cổ phiếu phổ thông	2.158.880	2.158.880
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>60.800</b>	<b>60.800</b>
- Cổ phiếu phổ thông	60.800	60.800
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>2.098.080</b>	<b>2.098.080</b>
- Cổ phiếu phổ thông	2.098.080	2.098.080
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>	<b>17.279.656.840</b>	<b>10.345.863.359</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán thành phẩm	100.924.368	-
- Doanh thu hợp đồng xây lắp	16.728.732.472	9.898.863.359
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	450.000.000	447.000.000
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>17.279.656.840</b>	<b>10.345.863.359</b>
<b>Trong đó: Doanh thu với bên liên quan</b>	<b>16.728.732.472</b>	<b>8.207.082.033</b>
(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	95.043.325	-
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	15.995.105.632	9.053.547.346
Giá vốn dịch vụ khác	178.561.326	147.638.852
<b>Cộng</b>	<b>16.268.710.283</b>	<b>9.201.186.198</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	366.594	20.734.127
<b>Cộng</b>	<b>366.594</b>	<b>20.734.127</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.372.088.749)	(387.804.000)
Lãi tiền vay	194.344.865	-
<b>Cộng</b>	<b>(1.177.743.884)</b>	<b>(387.804.000)</b>

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	453.644.781	565.177.011
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	28.114.651	7.844.727
Khấu hao tài sản cố định	101.703.408	101.703.406
Thuế, phí, lệ phí	11.259.789	60.208.138
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.376.473.648	54.488.894
Dịch vụ mua ngoài	46.500.923	54.673.053
Chi phí bằng tiền khác	113.103.014	111.278.242
<b>Cộng</b>	<b>2.130.800.214</b>	<b>955.373.471</b>

**6. CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản chi khác	11.195.490	-
<b>Cộng</b>	<b>11.195.490</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>47.061.331</b>	<b>597.841.817</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	44.568.857	-
- Chi phí không đủ điều kiện khấu trừ thuế	5.568.857	-
- Lương thành viên HĐQT không tham gia trực tiếp quản lý	39.000.000	-
Thu nhập chịu thuế	91.630.188	597.841.817
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>18.326.038</b>	<b>119.568.363</b>
Truy thu theo Quyết định thanh tra thuế	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>18.326.038</b>	<b>119.568.363</b>

**8. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b>28.735.293</b>	<b>478.273.454</b>
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành ước tính	(1.135.208)	(18.894.526)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.600.085	459.378.928
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.098.080	2.098.080
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>13</b>	<b>219</b>

(\*) Trong năm căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 thông qua việc triển khai phương án phân phối lợi nhuận năm 2020. Theo đó Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 phù hợp với hướng dẫn tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" như sau:

	Số báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b>478.273.454</b>	-	<b>478.273.454</b>
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	(18.894.526)	(18.894.526)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>478.273.454</b>	<b>(18.894.526)</b>	<b>459.378.928</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.098.080	-	2.098.080
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>228</b>		<b>219</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.153.036.309	4.826.358.669
Chi phí công cụ dụng cụ	28.114.651	3.972.000
Chi phí nhân công	3.352.671.462	2.152.297.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định	293.276.352	278.145.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	587.864.453	4.130.948.290
Chi phí khác bằng tiền	1.650.767.165	469.227.150
<b>Cộng</b>	<b>11.065.730.392</b>	<b>11.860.949.491</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam  
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4  
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10  
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3  
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
Công ty cùng hệ thống  
Công ty cùng hệ thống  
Công ty cùng hệ thống  
Lãnh đạo chủ chốt

**Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng</b>	<b>16.728.732.472</b>	<b>8.207.082.033</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	15.387.582.472	8.207.082.033
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	1.341.150.000	-
<b>Cộng</b>	<b>16.728.732.472</b>	<b>8.207.082.033</b>

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>18.867.338.550</b>	<b>21.959.315.999</b>
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	18.740.697.681	21.832.675.130
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	126.640.869	126.640.869
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>340.063.321</b>	-
Công ty CPXD Điện VNECO3	247.166.532	-
Công ty CPXD Điện VNECO4	92.896.789	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>25.200.000</b>	<b>688.400.679</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	-	149.953.468
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	-	513.247.211
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	25.200.000	25.200.000
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>964.852.558</b>	<b>1.455.970.047</b>
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	80.076.558	1.455.970.047
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	884.776.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Phan Anh Quang	18.000.000	-
Ông Lê Ngọc Toàn	12.000.000	-
Ông Mạnh Xuân Kỳ	133.788.000	126.439.000
Ông Hoàng Đình Khánh	93.851.000	92.004.000
Bà Trần Thị Thiện	12.000.000	12.000.000
Bà Lê Thị Thu Phượng	-	64.079.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	82.537.000	-
<b>Cộng</b>	<b>352.176.000</b>	<b>294.522.000</b>

**2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2021 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**3. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp.

**Khu vực địa lý**

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động của Công ty theo lĩnh vực kinh doanh:

- Lĩnh vực xây lắp các công trình xây dựng điện
  - Lĩnh vực bán hàng và dịch vụ cho thuê (dưới 10% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ)
- Do đó, theo quy định của chuẩn mực 28, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận

**4. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP. HCM. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tin học TP.HCM.



*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

**Hoàng Đình Khánh**  
Người lập biểu  
Ngày 12 tháng 8 năm 2021

**Nguyễn Thị Thanh Tâm**  
Kế toán trưởng

**Lê Ngọc Toàn**  
Chủ tịch hội đồng quản trị